



Tháng 09/2026
Bản tin

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KMC

Hotline: +84 81 489 4789 (English) | +84 91 988 9331 (Japanese)

URL: www.kmc.vn | Email: info@kmc.vn



Nội dung

<u>1</u>	Nghị quyết số 43/2026/QH16 ngày 24/08/2026 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân và doanh nghiệp.	TNCN
<u>2</u>	Công văn 6360/CT-PC ngày 26/08/2026 của Bộ Tài Chính về việc đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện tạm nộp thuế TNCN.	TNCN
<u>3</u>	Công văn 11805/NBI-QLDN1 ngày 09/09/2026 của Cục thuế Tỉnh Ninh Bình về chính sách thuế TNCN.	TNCN
<u>4</u>	Công văn 6846/CT-QLNT ngày 15/09/2026 của Cục Thuế trả lời vướng mắc về giảm trừ gia cảnh khi tính thuế thu nhập cá nhân.	TNCN
<u>5</u>	Công văn số 47199/HAN-QLDN5 ngày 18/09/2026 của Cục thuế về chính sách thuế của các khoản giảm trừ thu nhập chịu thuế TNCN đối với các khoản chi cho y tế và giáo dục.	TNCN
<u>6</u>	Công văn 16658/DON-QLDN1 ngày 27/08/2026 của Thuế Thành phố Đông Nai về thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN.	TNDN

Nội dung

- | | | |
|-----------|---|------|
| <u>7</u> | Công Văn số 6467/CT-QLNT ngày 28/08/2026 của Bộ Tài Chính về chính sách thuế. | GTGT |
| <u>8</u> | Công văn 4936/CT-QLTT ngày 18/09/2026 của Cục thuế trả lời vướng mắc về việc thực hiện thống nhất một số nội dung trong giải quyết hoàn thuế GTGT. | GTGT |
| <u>9</u> | Công văn 7018/CT-QLNT ngày 22/09/2026 của Cục thuế về việc thực hiện thống nhất một số nội dung trong giải quyết hoàn thuế GTGT. | GTGT |
| <u>10</u> | Văn bản hợp nhất 27/2026/VBHN-NĐ-BTC ngày 27/08/2026 hợp nhất Nghị định xử phạt vi phạm hành chính thuế, hóa đơn nêu rõ nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. | HD |
| <u>11</u> | Công văn 6656/CT-QLNT ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Cục Thuế về chính sách thuế và hóa đơn. | HD |

Nội dung

- | | | |
|------------------|---|------|
| <u>12</u> | Công văn 6810/CT-QLNT ngày 14/09/2026 Cục Thuế hướng dẫn về tỷ giá xuất hóa đơn. | HD |
| <u>13</u> | Công văn số 6487/CT-QLNT ngày 28/8/2026 của Bộ Tài Chính trả lời vướng mắc của doanh nghiệp về cách xác định và xử lý chi phí lãi vay trong giao dịch liên kết. | KHAC |
| <u>14</u> | Nghị định 342/2026/NĐ-CP ngày 03/09/2026 của Chính phủ có một số điểm mới đáng chú ý đối với hoạt động mua bán hàng hóa của doanh nghiệp FDI. | KHAC |
| <u>15</u> | Công văn 6938-CT-QLNT ngày 18/09/2026 của Cục thuế trả lời vướng mắc đối với khoản thu môn bài. | KHAC |
| <u>16</u> | Công văn 16093/SNV-VLATLĐ năm 2026 của Sở Nội vụ TPHCM về báo cáo khám sức khỏe định kỳ người lao động 2026 tại TPHCM. | KHAC |

Nội dung

- 17 Công văn 4941/KHH-QLDN1 ngày 15/9/2026 của Thuế tỉnh Khánh Hòa về việc giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB). KHAC

1 Giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân và doanh nghiệp

Nghị quyết số 43/2026/QH16 ngày 24/08/2026 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân và doanh nghiệp:

- Giảm 30% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp của kỳ tính thuế năm 2026 và năm 2027 đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân cư trú có mức doanh thu hằng năm của năm 2026, năm 2027 không quá 10 tỷ đồng.
- Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế năm 2026 và năm 2027 đối với thu nhập của doanh nghiệp, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có mức doanh thu hằng năm của năm 2026, năm 2027 không quá 10 tỷ đồng; trừ các doanh nghiệp được hình thành từ việc chia, tách doanh nghiệp sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực, mà tổng doanh thu hàng năm của năm 2026, năm 2027 của các doanh nghiệp sau chia, tách trên 10 tỷ đồng. Trường hợp doanh nghiệp đang được ưu đãi thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc các luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm quy định tại khoản này tính trên số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sau khi đã trừ ưu đãi thuế.

1 Giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân và doanh nghiệp

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 8 năm 2026 và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027.

2 Hướng dẫn hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện tạm nộp thuế TNCN

Công văn 6360/CT-PC ngày 26/08/2026 của Bộ Tài Chính về việc đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện tạm nộp thuế TNCN như sau:

1. Về khai, tạm nộp thuế TNCN

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05/3/2026 của Chính phủ, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế TNCN theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thực hiện khai tạm nộp thuế TNCN theo tháng hoặc theo quý trên cùng hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, số thuế TNCN tạm nộp được xác định theo phương pháp đơn giản:

SỐ THUẾ TNCN TẠM NỘP = DOANH THU TÍNH THUẾ CỦA THÁNG/QUÝ x THUẾ SUẤT

Trong đó:

- Doanh thu tính thuế là doanh thu phát sinh trong kỳ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ;
- Thuế suất: áp dụng theo từng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2 Hướng dẫn hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện tạm nộp thuế TNCN

Lưu ý: Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật về quản lý thuế. Kết thúc năm tính thuế, hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện khai quyết toán thuế TNCN theo quy định.

2. Trường hợp có nhiều địa điểm kinh doanh

Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP, trường hợp hộ, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh tại nhiều địa điểm thì thực hiện kê khai doanh thu, nộp thuế giá trị gia tăng theo từng địa điểm kinh doanh; thuế TNCN được nộp tại trụ sở chính.

3. Khi quyết toán thuế cuối năm

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 10 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP thì hộ, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp phải khai quyết toán thuế TNCN thực hiện nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 03 kể từ ngày kết thúc kỳ quyết toán thuế.

2 Hướng dẫn hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện tạm nộp thuế TNCN

Trường hợp số thuế TNCN đã tạm nộp thấp hơn số thuế phải nộp khi quyết toán thì căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp bổ sung phần chênh lệch và không phải tính tiền chậm nộp đối với số thuế nộp bổ sung. Trường hợp số thuế đã tạm nộp lớn hơn số thuế phải nộp theo quyết toán thì được xử lý số tiền thuế nộp thừa theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP.

3 Chính sách thuế TNCN

Công văn 11805/NBI-QLDN1 ngày 09/09/2026 của Cục thuế Tỉnh Ninh Bình về chính sách thuế TNCN như sau:

1. Đối với tiền lương làm việc vào ban đêm.

Trường hợp Công ty trả thêm tiền lương làm việc ban đêm cho người lao động bằng 35% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương thực trả theo công việc của ngày làm việc bình thường, việc chi trả này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 98 Bộ luật Lao động năm 2019 thì khoản tiền lương trả thêm do làm việc ban đêm nêu trên thuộc diện miễn thuế TNCN theo khoản 1 Điều 26 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP.

3 Chính sách thuế TNCN

2. Đối với khoản giảm trừ chi phí y tế, giáo dục - đào tạo.

Trường hợp người lao động có phát sinh khoản chi y tế, giáo dục - đào tạo đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 49 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP và có yêu cầu thực hiện giảm trừ vào thu nhập trước khi tính thuế thì Công ty căn cứ hồ sơ, hóa đơn, chứng từ do người lao động cung cấp để xác định khoản giảm trừ theo quy định. Người lao động có yêu cầu áp dụng các khoản giảm trừ nêu trên phải trực tiếp quyết toán thuế TNCN theo khoản 3 Điều 51 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP và không thuộc trường hợp ủy quyền cho Công ty quyết toán thay. Khi thực hiện khai quyết toán thuế TNCN năm 2026 với tư cách là tổ chức trả thu nhập, Công ty thực hiện kê khai theo các mẫu biểu quy định tại điểm 7.1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính. Riêng việc thể hiện khoản giảm trừ này trên chứng từ khấu trừ thuế TNCN, Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

3 Chính sách thuế TNCN

3. Đối với khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của người lao động nghỉ việc:

Trường hợp Công ty phát sinh khoản chi lương cho người lao động đã nghỉ việc từ 05 triệu đồng trở lên thì thực hiện khấu trừ thuế 10% theo quy định. Khi thực hiện quyết toán thuế TNCN Công ty thực hiện kê khai theo mẫu tờ khai quy định tại phụ lục I Thông tư số 89/2026/TT-BTC. Theo đó, cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần kê vào bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN, cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần Công ty kê vào bảng kê 05-2/BK-QTT-TNCN.

4 Giảm trừ gia cảnh khi tính thuế thu nhập cá nhân

Công văn 6846/CT-QLNT ngày 15/09/2026 của Cục Thuế trả lời vướng mắc về giảm trừ gia cảnh khi tính thuế thu nhập cá nhân như sau:

Trường hợp cha đẻ của người nộp thuế đã hết tuổi lao động hoặc không có khả năng lao động thì mới được tính là người phụ thuộc để tính giảm trừ gia cảnh. Nếu cha đẻ của người nộp thuế vẫn trong độ tuổi lao động thì phải đáp ứng đồng thời các điều kiện: Không có khả năng lao động (người có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên xác định theo quy định của pháp luật) và không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 03 triệu đồng thì mới được tính là người phụ thuộc để tính giảm trừ gia cảnh.

5 Các khoản giảm trừ thu nhập chịu thuế TNCN

Công văn số 47199/HAN-QLDN5 ngày 18/09/2026 của Cục thuế về chính sách thuế của các khoản giảm trừ thu nhập chịu thuế TNCN đối với các khoản chi cho y tế và giáo dục như sau:

Để đảm bảo quyền lợi của người lao động là các cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công được tính giảm trừ thu nhập chịu thuế TNCN, Thuế Thành phố Hà Nội đề nghị:

- Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực y tế, giáo dục thực hiện đúng quy định về việc lập, sử dụng hóa đơn, thời điểm xuất hóa đơn và lập bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính Phủ và Quyết định số 697/QĐ-BYT ngày 19/3/2026 của Bộ Y tế.
- Các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động: Phổ biến, tuyên truyền đến toàn bộ người lao động về việc giảm trừ thu nhập chịu thuế TNCN đối với các khoản chi cho y tế, giáo dục - đào tạo của người nộp thuế và người phụ thuộc của người nộp thuế. Cụ thể:

5 Các khoản giảm trừ thu nhập chịu thuế TNCN

- Điều kiện để giảm trừ thu nhập: Có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp (đối với chi phí y tế có thêm bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu); hóa đơn thể hiện đầy đủ thông tin của người nộp thuế hoặc người phụ thuộc của người nộp thuế; các khoản chi này không được đồng thời thanh toán từ các nguồn được hỗ trợ khác mà không phải do người lao động trực tiếp chi trả.
- Các khoản thu nhập người lao động nhận được do chi cho y tế, giáo dục - đào tạo tại các điểm b, g và i khoản 4 Điều 8, Nghị định số 253/2026/NĐ-CP do được xác định là các khoản thu nhập không mang tính chất tiền lương, tiền công không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN nên sẽ không được tính vào các khoản giảm trừ khi tính thu nhập chịu thuế TNCN.
- Các khoản chi cho y tế (bệnh hiểm nghèo) theo Điều 40, Nghị định số 253/2026/NĐ-CP thuộc trường hợp giảm thuế nên không được tính vào các khoản giảm trừ khi tính thu nhập chịu thuế TNCN.
- Trường hợp người lao động có yêu cầu thực hiện giảm trừ vào thu nhập đối với các khoản chi phí giáo dục, y tế nêu trên khi tính thuế thì người nộp thuế không được ủy quyền quyết toán cho cơ quan chi trả, phải tự quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

5 Các khoản giảm trừ thu nhập chịu thuế TNCN

Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các Phường, Xã quan tâm, phối hợp chỉ đạo các cơ sở y tế, giáo dục hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội thực hiện đúng các quy định về việc lập, sử dụng hóa đơn và lập bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo các quy định nêu trên.

6 Thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN

Công văn 16658/DON-QLDN1 ngày 27/08/2026 của Thuế Thành phố Đông Nai về thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN như sau:

Trường hợp Công ty có hàng hóa xuất khẩu thì thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN được xác định là ngày chuyển giao quyền sở hữu theo hợp đồng xuất khẩu hàng hóa. Trường hợp không xác định được thời điểm chuyển giao quyền sở hữu thì thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp được căn cứ theo quy định về cơ sở xác định hàng hóa xuất khẩu của pháp luật về hải quan quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2025 của Bộ Tài Chính.

7 Chính sách thuế GTGT

Công Văn số 6467/CT-QLNT ngày 28/08/2026 của Bộ Tài Chính về chính sách thuế như sau:

Tại điểm m khoản 2, khoản 3 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 quy định:

“Điều 9. Thuế suất

2. Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây:

m) Dịch vụ khoa học, công nghệ theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ;

3. Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, bao gồm cả dịch vụ được các nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam cung cấp cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số.”

Tại điểm o khoản 1 Điều 37 Luật Quản lý thuế quy định:

“o) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế, hóa đơn, không tính tiền chậm nộp đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế, hóa đơn theo văn bản hành chính hoặc quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế, hóa đơn của người nộp thuế;”

7 Chính sách thuế GTGT

Tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định:

“3. Các trường hợp không tính tiền chậm nộp:

c) Trường hợp quy định tại điểm o khoản 1 Điều 37 Luật Quản lý thuế;

d) Các trường hợp không tính tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật;

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp dịch vụ sở hữu trí tuệ được xác định là dịch vụ khoa học, công nghệ theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ thì thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%. Các trường hợp không tính tiền chậm nộp được thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

8 Tổng nhất một số nội dung trong giải quyết hoàn thuế GTGT

Công văn 4936/CT-QLTT ngày 18/09/2026 của Cục thuế trả lời vướng mắc về việc thực hiện tổng nhất một số nội dung trong giải quyết hoàn thuế GTGT như sau:

Xử lý hồ sơ hoàn thuế theo kết quả phân loại

a) Đối với hồ sơ thuộc trường hợp hoàn thuế trước:

- Trường hợp Hệ thống thông tin quản lý thuế xác định một phần số tiền đề nghị hoàn trong hồ sơ có rủi ro trong quản lý thuế, cơ quan thuế ban hành thông báo phần số tiền đó thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế theo quy định tại Thông tư số 89/2026/TT-BTC.
- Phần số tiền còn lại tiếp tục được xử lý theo trình tự hoàn thuế trước và được hoàn khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định. Trường hợp Hệ thống xác định một phần số tiền đề nghị hoàn có rủi ro thì chỉ xem xét, xử lý đối với phần số tiền có rủi ro, không chuyển toàn bộ số tiền đề nghị hoàn sang diện kiểm tra trước hoàn, trừ trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn theo quy định của pháp luật.
- Cơ quan thuế không chờ kết quả kiểm tra, xác minh phần số tiền có rủi ro mới giải quyết phần số tiền còn lại nếu phần số tiền này đã đủ điều kiện giải quyết theo trình tự hoàn thuế trước.

8 Tổng nhất một số nội dung trong giải quyết hoàn thuế GTGT

- Đối với phần số tiền thuộc diện kiểm tra trước hoàn, nội dung yêu cầu giả trình, bổ sung thông tin, tài liệu, kiểm tra, xác minh phải gắn với nội dung, giao dịch, hóa đơn và phần số tiền cần làm rõ; không mở rộng phạm vi chỉ vì phát sinh cảnh báo rủi ro tại một chủ thể trong chuỗi cung ứng, trừ trường hợp trong quá trình kiểm tra, xác minh phát hiện thêm dấu hiệu rủi ro hoặc thuộc trường hợp phải kiểm tra theo quy định.

b) Đối với hồ sơ thuộc trường hợp kiểm tra trước hoàn thuế:

Cơ quan thuế thực hiện trình tự kiểm tra trước hoàn đối với hồ sơ theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP và Điều 48, Điều 49 Thông tư số 89/2026/TT-BTC; trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh xác định rõ số tiền đủ điều kiện được hoàn, số tiền không được hoàn và số tiền chưa đủ điều kiện được hoàn theo quy định.

9 Tổng nhất một số nội dung trong giải quyết hoàn thuế GTGT

Công văn 7018/CT-QLNT ngày 22/09/2026 của Cục thuế về việc thực hiện thống nhất một số nội dung trong giải quyết hoàn thuế GTGT như sau:

Về nguyên tắc, trường hợp cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được xem xét hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác.

Cách xác định số thuế giá trị gia tăng được hoàn đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính, trong đó số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa (bao gồm tài sản cố định), dịch vụ kỳ trước chuyển sang và số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa (bao gồm tài sản cố định), dịch vụ phát sinh trong kỳ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được tổng hợp để xác định số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.

Về cách thức kê khai các chỉ tiêu trên các mẫu biểu tờ khai thuế GTGT đã được hướng dẫn rõ tại từng mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 81/2021/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2025/TT-BTC).

10 Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

Văn bản hợp nhất 27/2026/VBHN-NĐ-BTC ngày 27/08/2026 hợp nhất Nghị định xử phạt vi phạm hành chính thuế, hóa đơn nêu rõ nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn như sau:

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn khi có hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn theo quy định tại Nghị định này.
3. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ các trường hợp sau:
 - a) [6] Trường hợp cùng một ngày người nộp thuế khai sai một hoặc nhiều chỉ tiêu trên các hồ sơ thuế thì hành vi khai sai thuộc trường hợp xử phạt về thủ tục thuế chỉ bị xử phạt về một hành vi khai sai chỉ tiêu trên hồ sơ thuế có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này;

10 Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

- b) [7] Trường hợp cùng một ngày người nộp thuế chậm nộp nhiều hồ sơ khai thuế của cùng một sắc thuế thì chỉ bị xử phạt về một hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp trong số hồ sơ khai thuế chậm nộp có hồ sơ khai thuế chậm nộp thuộc trường hợp trốn thuế thì tách riêng để xử phạt về hành vi trốn thuế;

- c) [8] Trường hợp cùng một ngày người nộp thuế chậm nộp nhiều thông báo, báo cáo cùng loại về hóa đơn thì người nộp thuế bị xử phạt về một hành vi chậm nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện quy định tại Nghị định này
- d) [9] Hành vi vi phạm về cung cấp thông tin phục vụ mục đích trao đổi thông tin theo quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc là bên ký kết thuộc trường hợp bị xử phạt theo Điều 19a thì không bị xử phạt theo Điều 14, Điều 15, Điều 19 Nghị định này.

10 Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

- e) [10] Trường hợp người nộp thuế thực hiện nhiều hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm, các hành vi vi phạm còn trong thời hiệu xử phạt và bị xử phạt trong một vụ việc vi phạm hành chính thì chỉ bị xử phạt về một hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm có khung tiền phạt tương ứng với số lượng hóa đơn đã lập không đúng thời điểm theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này;
- f) [11] Trường hợp người nộp thuế thực hiện nhiều hành vi không lập hóa đơn, các hành vi vi phạm còn trong thời hiệu xử phạt và bị xử phạt trong một vụ việc vi phạm hành chính thì chỉ bị xử phạt về một hành vi không lập hóa đơn có khung tiền phạt tương ứng với số lượng hóa đơn đã lập không đúng thời điểm theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định này;
- g) [12] Trường hợp người nộp thuế khai sai nhiều chỉ tiêu trên một hồ sơ thuế thuộc trường hợp bị xử phạt về thủ tục thuế thì chỉ bị xử phạt về một hành vi khai sai chỉ tiêu trên hồ sơ thuế có khung tiền phạt cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp người nộp thuế khai sai nhiều chỉ tiêu trên một hồ sơ thuế vừa thuộc trường hợp bị xử phạt về thủ tục thuế, vừa thuộc trường hợp bị xử phạt theo Điều 16 hoặc Điều 17 Nghị định này thì chỉ bị xử phạt về một hành vi theo Điều 16 hoặc Điều 17 Nghị định này.

10 Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

4. Trường hợp trong một thủ tục hành chính có nhiều thành phần hồ sơ được quy định nhiều hơn một hành vi vi phạm hành chính tại Nghị định này thì tổ chức, cá nhân vi phạm bị xử phạt đối với từng hành vi vi phạm.
5. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân, trừ mức phạt tiền đối với hành vi quy định tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Nghị định này.

11 Chính sách thuế và hóa đơn

Công văn 6656/CT-QLNT ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Cục Thuế về chính sách thuế và hóa đơn như sau:

1. Về việc sử dụng hóa đơn

Đối với khoản chi phí điện vận hành, nếu Đối tác là bên trực tiếp thanh toán tiền điện cho đơn vị cung cấp điện và Công ty hoàn trả cho Đối tác đúng số tiền điện vận hành thực tế phát sinh trên cơ sở chỉ số công tơ điện, hóa đơn tiền điện, kết quả đối soát giữa hai bên thì khoản tiền này được coi là khoản hoàn trả chi phí theo thỏa thuận. Công ty căn cứ quy định tại Hợp đồng để xác định khoản thu này nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP thì không tính trong giá tính thuế và thuộc trường hợp không phải lập hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 7 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP.

11 Chính sách thuế và hóa đơn

2. Về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

Đối với khoản tiền điện mà Đối tác thanh toán cho đơn vị cung cấp điện, sau đó Công ty trả đúng theo số điện thực tế tiêu thụ của trạm sạc cho Đối tác: Đề nghị Công ty đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP, nếu đáp ứng đủ điều kiện:

- i. Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;
- ii. Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;
- iii. Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên, chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng, thì được tính vào các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định.

12 Hướng dẫn về tỷ giá xuất hóa đơn

Công văn 6810/CT-QLNT ngày 14/09/2026 Cục Thuế hướng dẫn về tỷ giá xuất hóa đơn như sau:

Đối với các trường hợp được khai thuế, khoản thu khác bằng ngoại tệ quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 252/2026/NĐ-CP thì đồng tiền khai, nộp thuế, các khoản thu khác và tỷ giá khai thuế quy đổi thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 252/2026/NĐ-CP.

Trường hợp nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật về ngoại hối thì người bán thể hiện trên hóa đơn tỷ giá ngoại tệ với Đồng Việt Nam theo quy định tại điểm c.1 khoản 8 Phụ lục kèm theo Nghị định 254/2026/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 26 Luật Quản lý thuế 2025 và pháp luật về kế toán, tỷ giá thể hiện trên hóa đơn là tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán.

13 Cách xác định và xử lý chi phí lãi vay trong giao dịch liên kết

Công văn số 6487/CT-QLNT ngày 28/8/2026 của Bộ Tài Chính trả lời vướng mắc của doanh nghiệp về cách xác định và xử lý chi phí lãi vay trong giao dịch liên kết như sau:

Nghị định số 255/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết. Theo đó, việc xác định quan hệ liên kết và áp dụng quy định về quản lý thuế đối với giao dịch liên kết được thực hiện trên cơ sở các tiêu chí về sở hữu, kiểm soát, điều hành và giao dịch giữa các bên liên kết theo quy định của pháp luật, không phụ thuộc vào việc doanh nghiệp có hay không có mục đích chuyển giá, trốn thuế.

Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 255/2026/NĐ-CP quy định tổng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế, đồng thời quy định cụ thể một số trường hợp không áp dụng. Trường hợp, doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết thì chi phí lãi vay được trừ khi xác định chi phí để tính thuế TNDN thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 255/2026/NĐ-CP.

Một số điểm mới đáng chú ý đối với hoạt động mua bán hàng hóa của doanh nghiệp FDI

Nghị định 342/2026/NĐ-CP ngày 03/09/2026 của Chính phủ có một số điểm mới đáng chú ý đối với hoạt động mua bán hàng hóa của doanh nghiệp FDI như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo định kỳ (Điều 38)

Theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP, doanh nghiệp FDI thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa chỉ phải nộp báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 31/01.

Theo Điều 38 Nghị định 342, doanh nghiệp trên phải thực hiện hai kỳ Báo cáo thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa mỗi năm, cụ thể:

- Báo cáo năm: nộp trước ngày 15/01 của năm tiếp theo;
- Báo cáo 06 tháng đầu năm: nộp trước ngày 15/07 của năm báo cáo.

Báo cáo được lập theo Mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị định 342. Như vậy, NĐ 342 quy định bổ sung thêm kỳ báo cáo và thay đổi thời hạn nộp báo cáo định kỳ so với trước đây.

14 Một số điểm mới đáng chú ý đối với hoạt động mua bán hàng hóa của doanh nghiệp FDI

2. Bổ sung Công an cấp tỉnh vào Hội đồng ENT (Điều 22, Điều 23)

So với thành phần Hội đồng ENT quy định tại Điều 24 Nghị định 09/2018/NĐ-CP, Nghị định 342 đã bổ sung đại diện Công an cấp tỉnh vào Hội đồng ENT. Theo đó, Hội đồng ENT bao gồm đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Công an cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Việc bổ sung này phù hợp với Điều 22 Nghị định 342, theo đó các tiêu chí ENT còn bao gồm sự phù hợp của cơ sở bán lẻ với yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an ninh biên giới, hải đảo và khu quân sự.

3. Quy định chuyển tiếp đối với giấy phép và hồ sơ đã nộp (Điều 44)

Đối với hồ sơ đã được cơ quan cấp phép tiếp nhận trước ngày 18/10/2026, hồ sơ tiếp tục được giải quyết theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP và Điều 36 Nghị định 146/2025/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, doanh nghiệp phải giải trình, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp phép trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày cơ quan cấp phép ban hành văn bản yêu cầu. Quá thời hạn này, hồ sơ sẽ được giải quyết theo Nghị định 342.

Một số điểm mới đáng chú ý đối với hoạt động mua bán hàng hóa của doanh nghiệp FDI

4. Làm rõ thời hạn thực hiện thủ tục đối với doanh nghiệp trở thành doanh nghiệp FDI sau khi M&A (Điều 5, Điều 36)

Nghị định 09/2018/NĐ-CP có quy định nghĩa vụ xin giấy phép sau giao dịch M&A nhưng không có quy định rõ thời hạn phải thực hiện cụ thể.

Theo Điều 5 Nghị định 342, trường hợp doanh nghiệp Việt Nam đang có cơ sở bán lẻ nhận vốn góp, bán cổ phần hoặc phần vốn góp cho nhà đầu tư nước ngoài và sau giao dịch trở thành doanh nghiệp FDI thuộc đối tượng điều chỉnh, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh và Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ hiện hữu được tiếp tục hoạt động.

Theo Điều 36 Nghị định 342, hồ sơ xin cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ phải được nộp trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhà đầu tư nước ngoài được xác nhận đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần hoặc mua lại phần vốn góp. Trong thời gian thực hiện này, doanh nghiệp được tiếp tục hoạt động tại các cơ sở bán lẻ hiện hữu cho đến khi được cấp giấy phép, nhưng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày ghi trên văn bản hoặc giấy tờ pháp lý xác nhận giao dịch M&A.

Một số điểm mới đáng chú ý đối với hoạt động mua bán hàng hóa của doanh nghiệp FDI

Do đó, doanh nghiệp FDI thực hiện các hoạt động mua bán hàng hóa cần cập nhật lịch báo cáo định kỳ, rà soát thành phần hồ sơ theo quy định mới và kiểm tra quốc tịch, cơ cấu của nhà đầu tư để xác định việc áp dụng ENT. Đối với giao dịch M&A liên quan đến doanh nghiệp đang có cơ sở bán lẻ, doanh nghiệp cần thực hiện thủ tục xin cấp Giấy phép kinh doanh và Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trong thời hạn quy định để tránh gián đoạn hoạt động.

15 Vương mắc đối với khoản thu môn bài

Công văn 6938-CT-QLNT ngày 18/09/2026 của Cục thuế trả lời vướng mắc đối với khoản thu môn bài như sau:

Doanh nghiệp bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thuế trong thời gian doanh nghiệp bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 7 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định, trong đó bao gồm việc nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế (bao gồm thuế/lệ phí môn bài) và xử lý số tiền thuế nộp thừa, số thuế giá trị gia tăng chưa được khấu trừ (nếu có) theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP và Điều 14 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

16 Hạn nộp báo cáo khám sức khỏe định kỳ người lao động 2026 tại TPHCM

Công văn 16093/SNV-VLATLĐ năm 2026 của Sở Nội vụ TPHCM về báo cáo khám sức khỏe định kỳ người lao động 2026 tại TPHCM như sau:

Thời hạn hoàn thành tổ chức khám sức khỏe định kỳ người lao động 2026 tại TPHCM là trước ngày 31/10/2026 và doanh nghiệp phải cập nhật, nộp báo cáo kết quả trong vòng 03 ngày kể từ ngày hoàn thành việc khám.

Cụ thể, căn cứ Công văn 16093/SNV-VLATLĐ năm 2026, Sở Nội vụ TPHCM đề nghị Công ty, Tổng Công ty, doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn Thành phố khẩn trương thực hiện các nội dung sau đây:

- Khẩn trương tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo đúng quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015; bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý được khám sức khỏe định kỳ (trước ngày 31/10/2026) với đầy đủ các nội dung theo gói khám sức khỏe của quy định hiện hành.

16 Hạn nộp báo cáo khám sức khỏe định kỳ người lao động 2026 tại TPHCM

- Cập nhật kết quả khám sức khỏe của người lao động thuộc đơn vị quản lý theo đường liên kết (link) của Sở Y tế ngay sau khi hoàn thành việc khám sức khỏe trong vòng 03 ngày để Sở Y tế theo dõi, đối chiếu với dữ liệu khám sức khỏe đã được cập nhật trên Nền tảng Quản lý sức khỏe cộng đồng và phục vụ công tác tổng hợp, giám sát, đánh giá kết quả. (<https://forms.gle/tpxYHkzxqN1GmM4L9>).

Như vậy, hạn chót thực hiện khám sức khỏe định kỳ người lao động 2026 tại TPHCM là ngày 31/10/2026, trong vòng 3 ngày sau khi hoàn thành việc khám sức khỏe, doanh nghiệp phải cập nhật kết quả khám sức khỏe tại đường link <https://forms.gle/tpxYHkzxqN1GmM4L9> của Sở Y tế.

17 Hướng dẫn xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)

Công văn 4941/KHH-QLDN1 ngày 15/9/2026 của Thuế tỉnh Khánh Hòa về việc giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) như sau:

- Trường hợp công ty sản xuất và cung cấp sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt ra thị trường cho khách hàng và có áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng ngay trên hóa đơn xuất bán thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được xác định như sau:

Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt = (Giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng - Thuế bảo vệ môi trường (nếu có)) / (1 + Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt)

Trong đó, giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng là giá bán đã chiết khấu thương mại cho khách hàng theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

- Trường hợp công ty áp dụng hình thức chiết khấu thương mại khi khách hàng đáp ứng một số điều kiện nhất định và công ty thực hiện xuất hóa đơn điều chỉnh giảm doanh thu tương ứng với số tiền chiết khấu cho khách hàng thì công ty thực hiện điều chỉnh giảm số thuế TTĐB phải nộp tương ứng tính trên số tiền chiết khấu cho khách hàng.

Viết tắt

GTGT	Giá trị gia tăng	BTC	Bộ Tài Chính
TNCN	Thu nhập cá nhân	CT	Cục Thuế
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp	BCT	Bộ Công Thương
TNT	Thuế nhà thầu	BLĐTBXH	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
LĐ	Lao động	KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
XNK	Xuất nhập khẩu	NHNNVN	Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam
HĐ	Hóa đơn	DNCX	Doanh nghiệp Chế xuất
CV	Công văn	KCX	Khu Chế xuất
Khác	Khác	KCN	Khu Công nghiệp



Tháng 09/ 2026
Bản tin

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KMC

Hotline: +84 81 489 4789 (English) | +84 91 988 9331 (Japanese)

URL: www.kmc.vn | Email: info@kmc.vn

Bản tin KMC nhằm cập nhật và tóm tắt những quy định chung liên quan đến Thuế, Kế toán, Đầu tư và Lao động ở Việt Nam. Quý vị nên tham khảo ý kiến chuyên môn trước khi đưa ra quyết định.





Thông tin liên hệ.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KMC

VĂN PHÒNG TẠI HỒ CHÍ MINH

Phòng 603, Lầu 6, Tòa nhà Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: +84 8 3820 5731/ 2 | Fax: +84 8 3820 0906

VĂN PHÒNG TẠI HÀ NỘI

Tầng 19, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 81 489 4789

VĂN PHÒNG TẠI TOKYO

Corporate Advisers Inc

Japan Tokyo-to Chiyoda-ku, Kasumigaseki 3-2-5 Kasumigaseki Building 33F

Tel: +81 3 3593 3238 | Fax: +81 3 3593 3248



URL: www.kmc.vn

Email: info@kmc.vn

Hotline in English: +84 81 489 4789

Hotline in Japanese: +84 91 988 9331

